TÒA ÁN NHÂN DÂNCẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 249/2020/HS-PT
Ngày: 29/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hồng P;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân H;
Bà Vũ Thị Thu H.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị N, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đ1 M, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 889/2019/TLPT-HS ngày 11 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo Dương Thanh B cùng 03 bị cáo khác trong cùng vụ án bị xét xử sơ thẩm về tội "Cố ý gây thương tích" do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 305/2019/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

***Các bị cáo bị kháng nghị:**

1. Dương Văn B, sinh ngày 28/7/1983; đăng ký hộ khẩu thường trú tại Cụm 3, xã X, huyện P, thành phố H; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá phổ thông: 3/12; con ông Dương Văn Q và bà Vũ Thị D; vợ là Nguyễn Thị N và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân của bị cáo:

(1) Tại Bản án số 24/HSST ngày 22/3/2006, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H (cũ) xử phạt bị cáo 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản"..

(2) Tại Bản án số 16/2006/HSST ngày 06/7/2006, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H xử phạt bị cáo 18 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích".

(3) Tại Bản án số 177/2011/HSST ngày 31/3/2011, Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt bị cáo 08 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng".

Bị cáo ra đầu thú và bị tạm giam ngày 17/8/2013, đến ngày 27/9/2019 bị

cáo được Tòa án tuyên bố trả tự do tại phiên tòa; có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn T, sinh ngày 22/8/1988; đăng ký hộ khẩu thường trú tại Cụm 6, xã V, huyện P, thành phố H; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá phổ thông: 7/12; con ông Nguyễn Văn T (Đã chết) và bà Đoàn Thị S; vợ là Đinh Thị H và có 01 con sinh năm 2013;

Nhân thân của bị cáo:

(1) Năm 2006 TAND tỉnh H xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Gây rối trật tự công cộng".

(2) Bản án số 28/2010/HSST ngày 06/8/2010, TAND huyện P, TP H xử phạt 04 tháng tù về tội "Đánh bạc".

Bị cáo ra đầu thú và bị tạm giam từ ngày 17/8/2013; ngày 27/9/2019 bị cáo được Tòa án tuyên bố trả tự do tại phiên tòa; có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Xuân Q, sinh ngày 06/11/1990; đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 8, M, xã M, huyện H, tỉnh T; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá phổ thông: 12/12; con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L; có vợ, 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/8/2013 đến ngày 19/02/2015; có mặt tại phiên tòa.

4. Tạ Văn Đ (Tên gọi khác: **Y Tr**), sinh ngày 02/9/1991; đăng ký hộ khẩu thường trú tại Cụm 6, xã V, huyện P, thành phố H; nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá phổ thông: 10/12; con ông Tạ Văn L và bà Lê Thị K.

Tiền án: Tại Bản án số 19/2010/HSST ngày 31/5/2010, Tòa án nhân dân huyện P, thành phố H xử phạt bị cáo 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/9/2013 đến ngày 04/9/2015, hiện đang bị truy nã bởi hành vi phạm tội trong vụ án khác.

*** Người bào chữa:** Ông Hoàng Ngọc Thanh B là Luật sư của Văn phòng luật sư K thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội bào chữa cho các bị cáo Dương Văn B, Nguyễn Văn T, Nguyễn Xuân Q và Tạ Văn Đ.

*** Bị hại:** Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1976; nơi cư trú tại Cụm 5, xã V, huyện p, thành phố H. Có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và xin được vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 16/7/2013, anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1976, trú tại Cụm 5, xã V, huyện P, H cùng anh trai là Nguyễn Văn Bảo đến quán bán hàng nước của chị Nguyễn Thị L để uống nước thì gặp Nguyễn Văn V đi xe máy đến. Anh S bảo V vào ngồi uống nước. Tại đây, anh S hỏi V: "Mày học cùng thằng T à, có số điện thoại của T không, gọi ra đây uống nước?!", V nói: "không có!" và

hỏi chị L: "Từ chiều có thấy thằng T "xồm" đến đây không?". Chị L trả lời là không thấy. Sau đó, anh B ở lại quán, còn anh S và V đi xe máy đến nhà chị Lê Thị T trú tại Cụm 4, xã C, P, H để anh S trả nợ cho chị Tâm 500.000 đồng. Khoảng 15 phút sau, anh S và V tiếp tục đi xe máy quay lại quán nước chị L rủ anh Bảo đi ra ngã tư G, thị trấn P uống cà phê nhưng anh B không đi. Anh S và V đi đến ngã tư G thì V nói có việc bận, V lấy xe máy đi trước. Anh S gọi điện thoại cho anh B đi xe máy ra đón rồi cùng nhau đến khu vực Bến xe S ăn tối.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn T, trú tại Cụm 6, xã V, P, Hà Nội cùng với Tạ Văn Đ, Nguyễn Văn Đ đi xe máy đến quán nước của chị L uống nước. Tại đây, T nghe chị L nói lại việc anh em S và V đi tìm T. Nghe chị L nói vậy, T nghĩ anh S đi tìm T để đánh. T đứng dậy và bảo Đ, Đ1 đi về nhà T. Trên đường về nhà, T điện thoại cho Dương Văn B, trú tại Cụm 3, xã X, P, Hà Nội nói lại sự việc anh em S đang đi tìm đánh T và bảo B đi đến nhà T để cùng đi tìm đánh anh em S. Lúc này, B đang ngồi uống rượu với anh Cấn Văn D, ở xã P, P, H, Lê Ngọc N, trú tại Cụm 11, xã V, P, H, Bùi Văn C, trú tại Cụm 5, xã V, P, H và Nguyễn Tuấn M, trú tại Cụm 4, xã Võng X, Phúc T, Hà Nội tại nhà anh Cấn Văn D. B nói với N: "Thằng T đang bị anh em S tìm đánh!". N không nói gì. Sau đó, B mượn xe ô tô KIA màu đen, BKS 29A- 839.39 của N đi về nhà B ở Cụm 3, xã X, P, còn N, C, M vẫn ngồi lại uống rượu. Khi về nhà, B gặp Nguyễn Xuân Q, ở xã M, huyện H, T, là sinh viên Đại học điện lực Hà Nội đang chơi ở nhà B. B đi vào nóc tủ sắt trong buồng lấy 01 khẩu súng bắn đạn ghém, 01 viên đạn để trong bao tải dứa, để xe ô tô, chìa khóa ô tô ở nhà và dặn chị Nguyễn Thị N (vợ B) đưa cho N khi N đến lấy xe, đồng thời bảo Q đi xe máy chở B mang theo súng đến nhà T. Khi đến cổng nhà T, thấy T, Đ và Đ1 đang đứng ở đó, B xuống xe, còn Q đi xe máy vào dựng trong sân nhà T. Sau đó, B, T bảo Quy, Đ và Đ1 đợi ở nhà T, còn B cầm theo 01 súng bắn đạn ghém, T mang theo 01 súng Col ổ quay đi bộ lên phía đê C, huyện P tìm anh S.

Sau khi ăn cơm, uống rượu ở nhà anh D xong, do không có xe đi về nên N nhờ anh D dùng xe ô tô của anh Dũng chở N, C, M đến nhà B để lấy xe ô tô. Khi đến nhà B, anh D đi về nhà còn N đi ô tô chở C, M về nhà. Trên đường về, N gọi điện cho S hỏi về việc S có đi tìm đánh T không (lúc này S và B đang ăn tối tại khu vực Bến xe thị xã S). Sơn nói với N là không có việc đi tìm đánh T, N điện thoại nói lại cho T biết.

T và B đi bộ trên đê Cẩm Đình tìm anh S nhưng không gặp. T điện thoại cho Đ bảo Đ và Q đi 2 xe máy lên đê Cẩm Đình đón B và T để tiếp tục đi tìm đánh anh S, còn Đ1 đi bộ về nhà. Khi Quy và Đ đi 2 xe máy đến nơi thì B nói với cả bọn: "Nếu gặp thì phang luôn!". Sau đó, Đ đi xe máy chở T, còn Q chở B đi đến khu vực phố huyện P cũ tìm anh S. Do trời mưa to, B, T, Đ, Quy dừng lại rồi vào đứng phía sau quán nước của chị L trú mưa. Lúc này, ở trong quán chị L, N, C, M trên đường đi về nhà đang vào ngồi uống nước. Nhìn thấy nhóm của T,

N đi đến nói với B và T: "Anh em S cũng đang trên đường đến quán này" (trước khi vào quán nước chị L thì N có điện thoại bảo S đến quán nước chị L để nói chuyện). N bảo B cùng đồng bọn đi về để N gặp S nói chuyện.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, anh Bảo đi xe máy chở anh S đến quán. Anh Bảo dừng xe cách quán nước khoảng 02m, anh S xuống xe đi vào quán. Khi nhìn thấy anh S và anh B, T nói với đồng bọn: "Thằng S kia rồi!". Anh S vừa xuống xe chưa kịp bước vào quán thì B và T xông ra; B cầm súng vụt nòng súng vào người anh S nhưng không trúng. Anh S và anh B bỏ chạy về hướng Nội Thôn, xã V, huyện P, T đuổi theo. Thấy vậy, C, M đứng lên giữ B lại để can ngăn. Chạy được khoảng 30m, anh S chạy quay lại phía ngã tư Phố huyện cũ, còn anh B tiếp tục chạy thẳng về hướng Nộ. T quay lại đuổi theo anh S. Khi anh S chạy đến trước cửa quán photocoppy của nhà anh Hoàng Trọng A thì B đứng phía bên kia đường ở tư thế mặt hướng gần đối diện chếch chéo bên trái anh S (cách anh S khoảng 12m) dùng súng bắn một phát trúng vào người anh S; Thấy anh S tiếp tục chạy, B hô: "Chặn lại!". Nghe thấy B hô như vậy, Q, Đ đang đứng gần đó liền xông ra đuổi đón đầu anh S và chặn lại. Anh S chạy tiếp được khoảng 12m nữa thì bị T đuổi kịp; T dùng tay phải đấm liên tiếp 4-5 cái và đá liên tiếp 4-5 cái vào phần bụng và phía sườn anh S làm anh S bị ngã xuống đường. Đ, Q cũng xông đến đánh anh S. Q dùng chân trái đá mạnh một cái vào khuỷu chân phải anh S. Đ dùng chân phải đá một cái vào đùi bên phải và dùng tay phải đấm liên tiếp hai cái vào phần lưng của Sơn. B cầm súng xông đến để đánh anh S thì bị N, C, M giữ lại. Khi thấy anh S bất tỉnh, Quy đi xe máy chở B, còn Đ đi xe máy chở T cùng đi về nhà B. Tại nhà B, T đưa cho B khẩu súng Col để B cất giấu cùng khẩu súng bắn đạn ghém trên nóc tủ sắt trong buồng ngủ của vợ chồng B. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày B, T, Q, Đ thuê taxi bỏ trốn khỏi địa phương.

Ngày 18/08/2013, Dương Văn B, Nguyễn Văn T đã đến Cơ quan điều tra đầu thú. Ngày 19/08/2013, Nguyễn Xuân Q bị bắt giữ. Tạ Văn Đ sau khi gây án đã bỏ trốn. Ngày 04/9/2013, Tạ Văn Đ bị bắt theo lệnh truy nã.

Về thương tích của anh Nguyễn Văn S, Kết luận giám định số 2556/C54 (P6) ngày 26/9/2013 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: "Anh Nguyễn Văn S bị dị vật kim loại rải rác chi dưới hai bên; đã được điều trị phẫu thuật lấy một số dị vật, thuốc nội khoa. Hiện tại để lại các sẹo phần mềm nhỏ tại hai chân, còn dị vật cản quang ở phần mềm vùng cẳng - cổ - bàn chân phải và đùi - gối trái; không bị nhiễm độc chì.

Đối chiếu với Bảng quy định tiêu chuẩn thương tật ban hành kèm theo Thông tư liên Bộ Y tế - Lao động, Thương binh và Xã hội số 12/TT-LB ngày 26/7/1995, xác định tỷ lệ thương tật của các thương tích như sau:

- Sẹo phần mềm mặt trước 1/3 giữa đùi phải: 01% (Chương XI, mục 1a)
- Diện sẹo tại mặt trước- trong gối phải: 02% (Chương XI, mục 1a)

- Diện sẹo mặt trước- trong cẳng chân phải, còn dị vật cản quang ở phần mềm: 04% (Chương XI, mục 9a)

- Một số sẹo phần mềm mặt trước- trong cổ chân phải, còn dị vật cản quang ở phần mềm: 02% (Chương XI, mục 9a)

- Một số sẹo phần mềm mặt trước- trong bàn chân phải, còn dị vật cản quang ở phần mềm: 02% (Chương XI, mục 9a)

- Sẹo mặt trước 1/3 dưới đùi trái, còn dị vật cản quang ở phần mềm: 01% (Chương XI, mục 9a)

- Diện sẹo mặt trong gối và 1/3 trên cẳng chân trái, còn dị vật cản quang ở phần mềm: 02% (Chương XI, mục 9a)

- Diện sẹo mặt mu bàn ngón I chân trái: 01% (Chương XI, mục 1a).

Áp dụng luật cộng lùi, tỷ lệ thương tật của anh Nguyễn Văn S tại thời điểm giám định là: 14% (mười bốn phần trăm).

Các sẹo phần mềm vùng bụng trái và ngón IV tay trái không được thể hiện trong hồ sơ bệnh án gửi giám định nên không xếp hạng tỷ lệ thương tật.

Cơ chế hình thành thương tích: Các tổn thương của anh Nguyễn Văn S do vật tày có tiết diện nhỏ và khả năng đâm xuyên tác động gây nên".

Về khẩu súng bắn đạn ghém B sử dụng để bắn anh Nguyễn Văn S, B khai: Khoảng tháng 2/2013, B mua của một người không quen biết ở tỉnh Bắc Giang với giá 9.000.000 đồng đem về cất giấu trên nóc tủ sắt trong nhà. Sau khi gây án, khoảng một tuần sau B mang khẩu súng ra cầu Cẩm Đình vứt xuống sông. Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không tìm được. Do đó, không đủ căn cứ đề cập xử lý B về hành vi tàng trữ khẩu súng này.

Đối với khẩu súng Col do Nguyễn Văn T sử dụng để gây án, B khai: Khoảng tháng 9/2011, B mua của một người không quen biết ở tỉnh L với giá 3.000.000 đồng. Giữa năm 2012, B cho Nguyễn Văn T khẩu súng này (không có đạn). Sau khi gây án, T đưa lại cho B. Khoảng một tuần sau, B mang đến giấu trên nóc nhà tắm gia đình anh Hoàng Anh Tuấn ở Cụm 3, xã X, P, H. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ được khẩu súng này và trưng cầu giám định.

Tại bản kết luận giám định số 2677/C54(P3) ngày 27/08/2013, Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

1. Khẩu súng gửi giám định là súng được chế tạo theo kiểu ổ quay bắn được đạn cỡ 5,6mm- Có tính năng tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng.

2. Khẩu súng có số hiệu "CHINA 2012 MK4" nhưng không có logo, nhãn hiệu biểu tượng của nhà sản xuất nên không đủ cơ sở để xác định xuất xứ của khẩu súng trên.

3. Khi sử dụng khẩu súng trên bắn đạn vào cơ thể người đều có thể gây sát thương.

Tại bản kết luận giám định số 2480/C54(P3) ngày 09/8/2013 của Viện

Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận về các mẫu vật đã thu giữ được ở hiện trường và thu trong người anh Nguyễn Văn S kết luận:

- Những mảnh kim loại ghi thu trong vụ trên gửi đến giám định là các viên bi của đạn ghém và được bắn ra từ nòng súng săn. Súng săn có các cỡ Calip 12; 16; 28; 32 nếu đã bị cưa ngắn nòng và cắt cụt báng khi bắn có tính năng tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng.

Tại Công văn số 338/C54 (P3) ngày 18/03/2014, Viện khoa học hình sự Bộ Công an xác định:

- Với loại súng bắn đạn ghém (có nhồi các viên bi) khi bắn vào cơ thể người đều có thể gây sát thương (chết hoặc bị thương).

- Khoảng cách bắn của đạn ghém gây sát thương phụ thuộc vào lượng thuốc nhồi (trọng lượng), chất lượng thuốc nhồi và các viên bi. Cơ quan điều tra không thu được súng và đạn đã dùng bắn anh Nguyễn Văn S nên không thể thực nghiệm được.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 73/HSST ngày 13/2/2015, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có nhận định: Bị cáo Dương Văn B có hành vi sử dụng súng bắn đạn ghém (hoa cải) bắn anh Nguyễn Văn S. Tuy nhiên, khi bắn, B chỉ nhằm vào chân của anh S. Hành vi của B không nhằm tước đoạt tính mạng của anh S. Do đó, hành vi của Dương Văn B và các đồng phạm không phạm tội "Giết người" theo quy định tại điều 93 của Bộ luật hình sự mà chỉ phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại Điều 104 của Bộ luật hình sự. Từ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Dương Văn B và bị cáo Nguyễn Văn T mỗi bị cáo bị phạt 40 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", 36 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng"; xử phạt bị cáo Tạ Văn Đ 24 tháng tù, bị cáo Nguyễn Xuân Q 18 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Tuyên bố bị cáo Lê Ngọc N, Bùi Văn C và Nguyễn Tuấn M không phạm tội "Không tố giác tội phạm".

Ngày 14/2/2015, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 12A/KNPT kháng nghị toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 341/2016/HSPT ngày 06/6/2016, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội và tuyên hủy toàn bộ án sơ thẩm để điều tra lại với nhận định: Tại công văn số 338/C54(P3) ngày 18/3/2014 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an xác định: "Với loại súng bắn đạn ghém (có nhồi các viên bi) khi bắn vào cơ thể người đều có thể gây sát thương (chết hoặc bị thương). Khoảng cách bắn của đạn ghém gây sát thương phụ thuộc vào lượng thuốc nhồi (trọng lượng), chất lượng thuốc nhồi và các viên bi". Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra có thu giữ được một số mảnh đạn chì ở hiện trường và Bác sỹ cấp cứu anh Nguyễn Văn S cung cấp 08 viên bi được lấy từ người anh Nguyễn Văn S, sau khi bị bắn

chưa được giám định về kích thước các viên bi cũng như chưa giám định chất lượng thuốc, trọng lượng thuốc nhồi trong viên đạn mà bị cáo Nguyễn Văn B bắn anh Nguyễn Văn S là điều tra chưa đầy đủ. Do đó chưa đủ căn cứ vững chắc để xác định tội danh của các bị cáo...

Kết quả điều tra lại như sau:

Cơ quan điều tra đã ghi lời khai anh Hoàng Trọng A, xác định: Sau khi vụ án xảy ra đến tháng 3/2016, anh Trọng A vẫn giữ nguyên hiện trạng của cửa, không sử dụng vật tác động vào cửa. Tháng 3/2016, quán photocoppy của anh Trọng A bị giải phóng mặt bằng nên anh Trọng A đã đập phá trụ cửa cũ và làm trụ cửa mới lùi vào trong quán khoảng 01 mét nhưng vẫn sử dụng cửa cũ và không sử dụng vật tác động lên cửa xếp sắt, kích thước của cửa vẫn giữ nguyên.

Ngày 22/11/2016, Cơ quan điều tra Công an thành phố H khám nghiệm bổ sung hiện trường vụ án, xác định: Cửa xếp sắt đã được dịch chuyển vào so với vị trí ban đầu vào phía trong là 01 mét, hiện vị trí chân cửa ban đầu còn nguyên, kích thước cửa (2,75 x 2,6) mét, cụ thể như sau:

- Tại khu vực góc dưới bên trái cánh cửa xếp bên trái (nhìn từ ngoài vào) ở mặt ngoài các thanh sắt và tôn bịt kín có diện bong tróc sơn, lõm kim loại diện (80x90) cm, đám vết rải rác ở sát chân cửa và tường bên trái. Điểm cao nhất của đám vết cao cách nền nhà là 90 cm. Kiểm tra thấy các vết trượt lõm sơn kim loại trên các thanh sắt khung cửa đã hoen rỉ bề mặt, các vết tróc sơn trung B có kích thước (1,1 x 0,7) cm, trong lòng vết tróc sơn có vết hằn kim loại hình gần tròn kích thước (0,3 x 0,4) cm. Tôn bịt kín phía trong cửa bị lõm hướng từ ngoài vào trong, các vết lõm có kích thước đều nhau là (0,3 x 0,4) cm.

- Cách đám vết diện (80 x90) cm nêu trên và ở trên mặt tôn bịt kín có 02 vết hằn lõm kim loại, 02 vết cách tường bên trái là 76 cm, vết trên cao cách nền nhà là 1,16 mét, 02 vết cách nhau là 1,3 mét. Vết trên cao có kích thước (0,3 x 0,4) cm, vết dưới có kích thước (0,2 x 0,3) cm. Các vết hằn lõm này hướng từ ngoài vào trong nhà và cao cách đám vết diện (80 x 90) cm là 25 cm.

- Cách đám vết diện (80 x 90) cm nêu trên là 90 cm thấy trên bề mặt tôn bịt kín có 01 vết hằn lõm kim loại có kích thước (0,3 x 0,4) cm, vết cao cách tường bên trái là 54 cm và cao cách nền nhà là 1,79 mét, vết hằn lõm này hướng từ ngoài vào trong nhà.

Về giám định thương tích bổ sung của anh Nguyễn Văn S:

Ngày 12/01/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 03/QĐTC yêu cầu giám định tỷ lệ phần trăm tổn hại sức khỏe đối với vết thương tại vùng mạn sườn trái (theo giấy chứng nhận thương tích ban đầu của anh S tại Bệnh viện đa khoa Sơn Tây) và thương tích tại ngón tay IV bàn tay trái (theo lời khai của anh S)? Cơ chế hình thành thương tích? Tổng tỷ lệ tổn hại phần trăm sau hai lần giám định thương tích của anh S?

Tại Kết luận giám định số 342/ C54-TT1 ngày 09/03/2017, Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Anh Nguyễn Văn S cao 1,56 mét, nặng 55 kg. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể bổ sung đối với thương tích vùng bụng trái là: 01%. Sẹo ngón IV tay trái không được thể hiện trong hồ sơ bệnh án gửi giám định nên không đủ cơ sở để xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Văn S sau hai lần giám định là 15%.

Nguyễn Văn S khai: Dương Văn B là người duy nhất sử dụng súng bắn đạn ghém bắn vào anh S tối ngày 16/7/2013, hiện nay vẫn còn các viên bi của đạn ghém trong người anh S. Ngày 07/4/2017 và ngày 11/4/2017, anh Nguyễn Văn S đã đến bệnh viện đa khoa P, thành phố Hà Nội chụp Xquang, kết quả: Bàn chân phải: 02 hình cản quang đường kính khoảng 01 mm ở vị trí đốt ngón 1 và 2; bàn chân trái: Chưa thấy hình ảnh bất thường. Xương đùi: Hình cản quang có đường kính khoảng 01mm ở 1/3 giữa đùi trái; đùi phải: Chưa thấy hình ảnh cản quang bất thường. Xương cẳng chân: Cẳng chân phải: hình cản quang đ-ường kính khoảng 02 mm ở vị trí 1/3 dưới; cẳng chân trái: Hình cản quang đ-ường kính khoảng 2 mm ở vị trí 1/3 trên và 1/3 dưới. Hộp sọ: Không thấy dị vật cản quang hộp sọ. Lồng ngực: Không thấy dị vật cản quang lồng ngực, hình tim phổi B thường. Hai bàn tay: Không thấy dị vật cản quang bàn tay 2 bên. Xương cẳng tay: Không thấy dị vật cản quang cẳng tay 2 bên. Xương cánh tay: Không thấy dị vật cản quang cánh tay 2 bên. Tổng cộng có 6 vật cản quang tại 2 chân của anh S là những viên bi của đạn ghém do Dương Văn B dùng súng bắn anh S.

3. Đối với các vật chứng đã tạm giữ, bao gồm:

- 01 khẩu súng Col quay bằng kim loại màu xám đen đã cũ, trên súng có dòng chữ: “CHINA”, “2012” và “MK4”, súng không có đạn.

- 08 (tám) mảnh kim được mổ lấy ra trong người anh Nguyễn Văn S và các mảnh kim loại thu được tại hiện trường (đã được đóng gói niêm phong).

Ngày 16/6/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã bàn giao số vật chứng trên cho Ban chỉ huy quân sự quận H để bảo quản theo quy định, phục vụ việc truy tố, xét xử vụ án.

Ngày 14/10/2016, Cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H có công văn số 6532, đề nghị Ban chỉ huy quân sự quận H bàn giao lại cho Cơ quan điều tra để tiến hành trưng cầu giám định theo yêu cầu của Tòa án nhân dân cấp cao tại H.

Ngày 09/12/2016, Ban chỉ huy quân sự quận H có công văn phúc đáp số 1249 trả lời Cơ quan điều tra như sau:

- Đối với khẩu súng Col quay bằng kim loại màu xám đen đã cũ, trên súng có dòng chữ: “CHINA”, “2012” và “MK4”, súng không có đạn. Ngày 12/2/2015 đã bàn giao lại cho kho Bộ Tư Lệnh thủ đô.

- 08 (tám) mảnh kim được mổ lấy ra trong người anh Nguyễn Văn S và các mảnh kim loại thu được tại hiện trường (được đóng gói niêm phong) đã được Ban chỉ huy quân sự quận H tiêu hủy vào hồi 11 giờ ngày 19/8/2016 tại Trường bắn Hòa Thạch, huyện Q, thành phố H.

4. Về nguồn gốc khẩu súng bắn đạn ghém mà B dùng để bắn anh S và khẩu súng Colt mà T mang theo tìm đánh anh S vào ngày 16/7/2013:

- Về khẩu súng bắn đạn ghém mà B đã dùng để bắn anh Nguyễn Văn S, B khai: B mua khoảng tháng 2/2013 của một người không quen biết ở tỉnh B với giá 9.000.000 đồng và đem về cất giấu trên nóc tủ sắt trong nhà. Ngày 16/7/2013, B đã dùng khẩu súng này bắn anh S rồi lại mang súng về nhà cất giấu. Khoảng một tuần sau, B mang khẩu súng bắn đạn ghém ra cầu Cẩm Đình vứt xuống sông. Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không tìm được.

- Về khẩu súng Colt mà T mang theo tìm đánh anh S vào ngày 16/7/2013: Khoảng tháng 9/2011, B mua của một người không quen biết ở tỉnh L với giá 3.000.000 đồng. Sau đó đến giữa năm 2012, Nguyễn Văn T đã được B cho khẩu súng này (không có đạn) rồi đem về nhà cất giấu. Ngày 16/7/2013, T đã mang khẩu súng này đi để tìm đánh anh S. Sau đó đã gửi B khẩu súng này để nhờ B cất giấu. Khoảng một tuần sau, B mang khẩu súng Col của T mang đi cất giấu trên nóc nhà tắm gia đình anh Hoàng Anh T ở Cụm 3, xã X, P, thành phố H và đã được Cơ quan điều tra thu giữ. Do vậy, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xác minh làm rõ nguồn gốc khẩu súng Colt này.

5. Đối với yêu cầu của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc đề nghị giám định bổ sung về kích thước, chất lượng thuốc, trọng lượng thuốc nhồi trong viên đạn mà đối tượng Dương Văn B bắn anh S: Ngày 12/1/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H có công văn số 1119 và số 1120 đề nghị Viện khoa học hình sự Bộ Công an trả lời và kết luận bổ sung về kích thước nguyên gốc của 08 (tám) mảnh kim được mổ lấy ra trong người anh Nguyễn Văn S và các mảnh kim loại thu được tại hiện trường. Nếu Cơ quan điều tra chỉ thu được các viên bi được nhồi trong đạn đã bắn ra nhưng không thu được đạn, vỏ đạn và khẩu súng đã bắn anh Nguyễn Văn S thì Viện khoa học hình sự có giám định được về chất lượng thuốc, trọng lượng thuốc nhồi trong viên đạn mà Dương Văn B đã sử dụng để bắn anh Nguyễn Văn S hay không?

Tại công văn phúc đáp số 88/C54(P3), ngày 19/01/2017 và số 76/C54-P2, ngày 17/01/2017 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: 08 mảnh kim loại được mổ lấy ra từ người anh S và thu tại hiện trường do Cơ quan điều tra gửi giám định có các kích thước từ 2,5 mm đến 3,2 mm (05 viên bi không bị bẹp, dẹt có đường kính 2,5 mm; 03 viên bi bị bẹp, dẹt có đường kính 2,9; 3,1; 3,2 mm). Cơ quan điều tra chỉ thu được các viên bi được nhồi trong đạn đã bắn ra (như đã nêu và gửi giám định ở trên) nhưng không thu được đạn, vỏ đạn và khẩu súng đã bắn anh Nguyễn Văn S thì Viện khoa học hình sự không đủ điều

kiện giám định được về chất lượng thuốc, trọng lượng thuốc nhồi trong viên đạn mà Dương Văn B đã sử dụng để bắn anh Nguyễn Văn S.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 305/2019/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2019, Tòa án nhân dân thành phố H đã tuyên bố các bị cáo Dương Văn B, Nguyễn Văn T, Nguyễn Xuân Q và Tạ Văn Đ (Y Trô) phạm tội "Cố ý gây thương tích".

- Áp dụng khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Dương Văn B 06 (Sáu) năm 01 (Một) tháng 10 (Mười) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/8/2013. Xác nhận bị cáo Dương Văn B đã chấp hành xong hình phạt tù.

- Áp dụng khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (Sáu) năm 01 (Một) tháng 10 (Mười) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/8/2013. Xác nhận bị cáo Nguyễn Văn T đã chấp hành xong hình phạt tù.

- Áp dụng khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Q 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/8/2013 đến ngày 19/02/2015. Xác nhận bị cáo Nguyễn Xuân Quy đã chấp hành xong hình phạt tù.

- Áp dụng khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Tạ Văn Đ (Tên khác: Y Trô) 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/9/2013 đến ngày 04/9/2015. Xác nhận bị cáo Tạ Văn Đ đã chấp hành xong hình phạt tù.

- Áp dụng Điều 328 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015: Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Dương Văn B, Nguyễn Văn T nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/10/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có Quyết định kháng nghị số 19/QĐ-VKS-P2 với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử lại vụ án theo hướng xử phạt các bị cáo Dương Văn B, Nguyễn Văn T, Nguyễn Xuân Q và Tạ Văn Đ về tội "Giết người" và tăng hình phạt đối với các bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát

nhân dân cấp cao tại Hà Nội, ý kiến tranh luận của bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH VỀ VỤ ÁN:

[1] Lời khai của bị cáo Dương Văn B và đồng phạm tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng đã thu giữ, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định pháp y cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, cho nên Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 20 giờ ngày 16/7/2013, Nguyễn Văn T cho rằng anh em nhà anh Nguyễn Văn S tìm đánh mình nên đã điện thoại cho Dương Văn B đến để tìm đánh anh S. B đồng ý và đã lấy ở nhà 01 khẩu súng bắn đạn ghém và 01 viên đạn cho vào bao tải dứa và cùng Nguyễn Xuân Quy đi xe máy đến nhà T. Tại đây, B gặp T, Tạ Văn Đ và Nguyễn Văn Đ đợi ở nhà T. T bảo Q, Đ, Đ1 đợi ở nhà còn B cầm theo súng bắn đạn ghém, T mang theo 01 khẩu súng Col ổ quay đi bộ lên phía đê C, huyện P tìm anh S nhưng không gặp. T điện thoại bảo Đ, Quy đi 02 xe máy lên đê C đón T, B để đi tìm anh S. Khi cả bốn đi đến khu vực phố huyện P thuộc cụm 11, xã V, huyện P thì B, T, Đ, Q dừng lại vào đứng phía sau quán nước chị Nguyễn Thị L, lúc này trong quán có Lê Ngọc N, Bùi Văn C và Nguyễn Tuấn M đang ngồi uống nước. Khoảng 22 giờ ngày 16/7/2013 anh Nguyễn Văn S và anh Nguyễn Văn B đi xe máy đến quán chị L thì bị Dương Văn B sử dụng 01 súng bắn đạn ghém, Nguyễn Văn T sử dụng 01 súng Col đuổi đánh. B cầm súng vụt nòng súng vào người anh S nhưng không trúng. Anh S và anh B bỏ chạy về hướng N, T đuổi theo nhưng anh B chạy thoát. Thấy vậy, C, M đứng lên giữ B lại để can ngăn. Chạy được khoảng 30m, anh S chạy quay lại phía ngã tư Phố huyện cũ, T quay lại đuổi theo anh S. Khi anh S chạy đến trước cửa quán photocoppy của nhà anh Hoàng Trọng A thì B đứng phía bên kia đường, tư thế mặt hướng gần đối diện chếch chéo bên trái anh S (cách anh S khoảng 12m) dùng súng bắn một phát trúng vào chân anh S; Thấy anh S tiếp tục chạy, B hô: "Chặn lại!". Nghe thấy B hô như vậy, Q, Đ đang đứng gần đó liền xông ra đuổi đón đầu anh S và chặn lại. Anh S chạy tiếp được khoảng 12m nữa thì bị T đuổi kịp; T dùng tay phải đấm liên tiếp 4-5 cái và dùng chân phải đá liên tiếp 4 - 5 cái vào phần bụng và phía sườn anh S làm anh S bị ngã xuống đường. Đ và Q cũng xông đến đánh anh S. Q dùng chân trái đá mạnh một cái vào khuỷu chân phải anh S. Đ dùng chân phải đá một cái vào đùi bên phải và dùng tay phải đấm liên tiếp hai cái vào phần lưng của Sơn. B cầm súng xông đến để đánh anh S thì bị anh N, C, M giữ lại, sau đó cả nhóm B bỏ đi. Anh S sau khi bị bắn và bị đánh bất tỉnh thì được anh N cùng C, M đưa lên ô tô chở đến Bệnh viện Thị xã S cấp cứu. Hậu quả anh Nguyễn Văn S bị tổn thương cơ thể 15%.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H,

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Với nội dung như diễn biến ở trên cho thấy, khi gặp anh S ở khoảng cách gần, Dương Văn B không dùng súng bắn khi có đủ điều kiện mà chỉ sử dụng nòng súng đánh vào người anh S; chỉ khi Nguyễn Văn S bỏ chạy thì Dương Văn B mới đứng ở khoảng cách xa 12m nhằm vào chân anh S để bắn, hỗ trợ cho các bị cáo T, Q, Đ đuổi kịp để đánh anh S. Thực tế, hậu quả Nguyễn Văn S bị thương tích với tỷ lệ thương tật là 15% (trong đó chủ yếu là các vết thương ở chân). Lời khai của Dương Văn B và các bị cáo phù hợp với nhau, đồng thời cũng phù hợp với lời khai của những người làm chứng là anh Lê Ngọc N, anh Bùi Văn C, anh Nguyễn Tuấn M và phù hợp với các kết luận giám định của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận về các mẫu vật đã thu giữ được ở hiện trường và thu giữ được trên cơ thể anh Nguyễn Văn S và cũng phù hợp với thương tích của anh Nguyễn Văn S.

Với phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm đồng tình với nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm khi cho rằng: Các bị cáo Dương Văn B, Nguyễn Văn T, Nguyễn Xuân Q và Tạ Văn Đ không có ý thức tước đoạt tính mạng của anh Nguyễn Văn S mà chỉ có ý định đánh gây thương tích cho anh Nguyễn Văn S. Ý thức chủ quan của các bị cáo thể hiện phù hợp với diễn biến hành vi phạm tội của các bị cáo. Cho nên, trong trường hợp này, Tòa án cấp sơ thẩm xác định hành vi phạm tội của các bị cáo Dương Văn B, Nguyễn Văn T, Nguyễn Xuân Q và Tạ Văn Đ phạm vào tội "Cố ý gây thương tích" và áp dụng tình tiết tăng nặng định khung "Dùng hung khí nguy hiểm" quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ.

Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã phân tích đánh giá vai trò của từng bị cáo như: Các bị cáo trong vụ án phạm tội mang tính đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc phân công nhiệm vụ. Trong các bị cáo thì bị cáo Dương Văn B, Nguyễn Văn T là người giữ vai trò chính. Bị cáo Nguyễn Văn T là người khởi xướng việc phạm tội, rủ rê đồng bọn, chuẩn bị hung khí để phạm tội; bị cáo Dương Văn B cũng là người chuẩn bị hung khí, là người trực tiếp dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại; các bị cáo Dương Văn B, Nguyễn Văn T có nhân thân xấu; các Bị cáo Nguyễn Văn T, Tạ Văn Đ có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của các bị cáo thuộc trường hợp "Tái phạm" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm cũng xác định các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Sau khi phạm tội bị cáo Dương Văn B, Nguyễn Văn T ra Cơ quan công an đầu thú; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, nhận tội và tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đã tích cực bồi thường cho người bị hại. Anh Nguyễn Văn S có nhiều đơn xin xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1,

khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Theo đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo Dương Văn B và Nguyễn Văn T, mỗi bị cáo trên 06 năm tù; Nguyễn Xuân Q và Tạ Văn Đ từ 18 đến 24 tháng tù là phù hợp.

Theo phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội theo hướng chuyển tội danh và tăng hình phạt đối với các bị cáo.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

Bởi các lẽ trên;

Căn cứ vào Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, cụ thể:

Tuyên bố các bị cáo Dương Văn B, Nguyễn Văn T, Nguyễn Xuân Q và Tạ Văn Đ (Y Trô) phạm tội "Cố ý gây thương tích".

- Áp dụng khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo **Dương Văn B 06 (Sáu) năm 01 (Một) tháng 10 (Mười) ngày tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/8/2013. Xác nhận bị cáo Dương Văn B đã chấp hành xong hình phạt tù.

- Áp dụng khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T 06 (Sáu) năm 01 (Một) tháng 10 (Mười) ngày tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/8/2013. Xác nhận bị cáo Nguyễn Văn T đã chấp hành xong hình phạt tù.

- Áp dụng khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo **Nguyễn Xuân Q 18 (Mười tám) tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/8/2013 đến ngày 19/02/2015. Xác nhận bị cáo Nguyễn Xuân Quy đã chấp hành xong hình phạt tù.

- Áp dụng khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo **Tạ Văn Đ (Y Trô) 24 (Hai mươi bốn) tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/9/2013 đến ngày 04/9/2015. Xác nhận bị cáo Tạ Văn Đ đã chấp hành xong hình phạt tù.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

3. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao (Vụ 1);
- Cơ quan CSĐT- Công an TP H;
- VKSNDCC tại H;
- TAND thành phố H;
- Cục THADS thành phố H;
- Trại tạm giam số 1- Công an TP H;
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HS vụ án, Phòng HCTP/2b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Hồng P